

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ 3: GIA ĐÌNH

Số tuần: 04 Từ ngày 03 tháng 11 năm 2025 đến ngày 28 tháng 11 năm 2025)

I. NỘI DUNG, MỤC TIÊU GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a. Vận động				
1	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.	* Hoạt động học: - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). - Lưng, bụng, lườn: - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.	

		+ Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.		
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.	- Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. - Đi nổi bàn chân tiến, lùi.	* Hoạt động học: - Đi trên dây (dây đặt trên sàn). - Đi nổi bàn chân tiến, lùi.	
7	Trẻ bật được xa tối thiểu 50 cm.	- Bật xa 40 - 50cm.	*Hoạt động học: - Bật xa 40-50cm	
9	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).	- Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.	* Hoạt động chơi: - Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt.	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
13	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản:	- Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.	* Hoạt động vệ sinh trước và sau khi ăn.	

	- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách, Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	* Hoạt động theo ý thích: Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.	
14	Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Cách sử dụng một số đồ dùng trong ăn uống.	* Hoạt động ăn, ngủ: Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ chất. - Hoạt động góc: + Góc phân vai: Nấu ăn, bán hàng một số thực phẩm: cá, thịt, rau, củ, quả..	
20	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Đề nghị giúp đỡ khi cần thiết - Phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc.(Lồng ghép kỹ năng sống)	* Hoạt động giáo dục các kỹ năng sống cho trẻ	

	- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.			
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
a. Khám phá khoa học				
26	- Trẻ biết phân loại đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau	- Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại cây hoa quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu	* Hoạt động chơi chơi theo ý thích	
28	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	* Hoạt động ngoài trời * Hoạt động chơi chơi theo ý thích	
29	- Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. (Lồng ghép kỹ năng sống)	*Hoạt động chơi: - Chơi với đồ chơi ngoài trời. - Chơi góc phân vai. - Làm một số đồ chơi từ nguyên vật liệu đơn giản...	
30	- Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Chơi hoạt động góc, qua các trò chơi vận động.	*Hoạt động chơi: - Chơi ở các góc chơi.	
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				

37	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...)	* Hoạt động học: Ý nghĩa các con số.	
43	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.	* Hoạt động học: - Nhận biết khối vuông, khối chữ nhật.	
44	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước, phía sau; phía trên, phía dưới, phải, trái so với bản thân trẻ, với bạn khác với một vật nào đó làm chuẩn.	* Hoạt động học: Xác định phía phải, phía trái của bạn khác	
c. Khám phá xã hội				
46	Trẻ nói được họ và tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện.	Họ tên, ngày sinh, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	* Hoạt động chơi - Đón, trả trẻ, trò chuyện hằng ngày: Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường, các bạn học sinh - Góc phân vai: Trẻ đóng vai bác cấp dưỡng cô giáo, các trẻ	
47	Trẻ biết nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (Gia đình nhỏ, gia đình lớn).	* Hoạt động học: Trò chuyện về gia đình của bé	

		Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.		
48	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà đường phố / thôn, xóm, số điện thoại nếu có)... khi được hỏi trò chuyện.	- Khích lệ trẻ suy nghĩ về những gì chúng đang nhìn thấy đang làm và phát triển những suy nghĩ của mình.	* Hoạt động học: Trò chuyện về nhu cầu của gia đình, địa chỉ của gia đình	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
56	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu... - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.	* Hoạt động chơi. Tìm hiểu các hoạt động vui chơi của trẻ.	
57	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	* Hoạt động học: - Truyện: KCCTN: Cả nhà đều làm việc	
60	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép.	* Hoạt động chơi. - Hoạt động đón, trả trẻ, trò chuyện hàng ngày:	
62	Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ hò vè.	* Hoạt động học: Thơ : “Bó hoa tặng cô”.	
65	Trẻ biết sử dụng các từ: “Cảm ơn”, “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “vâng”... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	* Hoạt động đón trẻ, trả trẻ, hoạt động học, hoạt động chơi, chơi.	

			- Giáo dục trẻ sử dụng các từ lễ phép.	
67	Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	Hoạt động chơi ở góc thư viện, góc học tập	
70	Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông..	- Làm quen với kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	*Hoạt động chơi. - Hoạt động đón, trả trẻ, trò chuyện hàng ngày:	
71	Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.	- Trò chuyện, xem tranh ảnh, video,... có sử dụng các từ lễ phép.	
72	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình - Hướng viết từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, hướng viết của các nét chữ.	* Hoạt động học: - LQCC: Ôn chữ cái e, ê - LQCV: Tập tô: e, ê	
73	Trẻ biết giao tiếp có văn hoá trong đời sống hằng ngày	- Không nói tục, chửi bậy	*Hoạt động chơi: Chơi ở các góc	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội				
a. Phát triển tình cảm				
75	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Họ, tên tuổi, giới tính của bản thân, bố, mẹ, địa chỉ gia đình, số điện thoại.	* Hoạt động đón trẻ, trả trẻ, hoạt động học, hoạt động chơi, chơi. - Giáo dục trẻ sử dụng các từ lễ phép.	

78	Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	* Hoạt động lao động: Cát dọn đồ dùng, đồ chơi, Giúp mẹ dọn nhà.	
79	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.		- Vệ sinh lớp học, cất đồ chơi, đồ dùng các nhân của bé	
80	Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Lựa chọn hoạt động - Tự đưa ra quyết định (lồng ghép KNS)	* Hoạt động lao động: Cát dọn đồ dùng, đồ chơi, Giúp mẹ dọn nhà.	
82	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	*Hoạt động chơi. - Trò chuyện, xem tranh ảnh, video trường lớp của bé.	
84	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	-Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	* HĐ chơi : - Hoạt động góc: Trẻ đóng vai chị, anh, cô giáo các bác trong trường chia sẻ với bạn bè, giao lưu giữa các góc chơi.	
b. Phát triển kỹ năng xã hội				
88	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ,	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	* Hoạt động lao động. - Trò chuyện, xem tranh ảnh, video..có sử dụng các từ lễ phép, vâng lời cô giáo,	

	anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Thể hiện sự quan tâm (lồng ghép KNS)	giúp đỡ bạn trong lớp. - Vệ sinh lớp học của bé. *Hoạt động học: - Kỹ năng yêu thương gia đình.	
92	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	*Hoạt động chơi: Chơi ở các góc chơi trẻ tuân thủ các yêu cầu:	
5. Phát triển thẩm mỹ				
98	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	* Hoạt động học. - DH: Nhà của tôi (TT) NH: Cho con. TC: Nghe tiếng kêu tìm đồ vật. - DH: Cô giáo miền xuôi (TT) NH: Bụi Phấn TC: Tự chọn.	
99	Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe nhạc và vận động tự do theo cảm nhận âm nhạc của riêng mình bằng cách: giáo viên khuyến khích trẻ lắng nghe giai điệu và tiết tấu của bản nhạc (nhanh, chậm, to, nhỏ, mạnh, nhẹ, mềm mại, uyển chuyển, hùng mạnh.....) và tự vận động sao cho phù hợp với nhịp điệu âm nhạc.		
101	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc		

	cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	thái, tình cảm của bài hát.		
102	Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.		
105	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	* Hoạt động học: - TH: Vẽ chân dung người thân trong gia đình - TH: Cắt, dán ngôi nhà từ các hình, hình học. (TM) - TH: Vẽ cái nôi (TM)	
106	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.			
108	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	* HĐ chơi. - Chơi đồ chơi ngoài trời. - Chơi góc vận động. - Làm một số đồ chơi từ nguyên vật liệu đơn.	
109	Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)		
110	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.		
112	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.		
114	Trẻ biết giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn	- Giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn		

II. CHUẨN BỊ.

- Chuẩn bị tranh ảnh, sách báo nói về chủ đề Gia đình: Gia đình của bé, đồ dùng trong gia đình, nhu cầu của gia đình.
- Tranh, giấy A4, kéo, đất nặn, sáp màu, lô tô, đồ chơi cho trẻ.
- Tranh minh họa truyện, thơ, vở tạo hình, toán...
- Thẻ chữ, số, xác xô, mũ chóp, phách tre, trống, đàn...
- Nút nhựa hạt hạt, gạch, cát, phân, bộ đồ chơi gia đình, bộ đồ chơi bác sĩ, bán hàng, đồ dùng của cô giáo, người đầu bếp ...
- Một số đồ dùng học tập và đồ chơi các góc....

III. MỞ CHỦ ĐỀ.

- Chủ đề Gia đình thực hiện 3 tuần từ ngày 03/11/2025 - 28/11/2025.
- Qua chủ đề giới thiệu với trẻ về gia đình.
- Cô cho trẻ trò chuyện để trao đổi kinh nghiệm đã có ở trẻ.
- Cô đặt câu hỏi nhằm tìm hiểu xem trẻ có những kiến thức, kỹ năng gì về chủ đề, để mà giáo viên lựa chọn hoặc chủ đề xuất phát từ hứng thú tìm hiểu của trẻ.
- Cô cùng trẻ làm bức tranh về “Gia đình”.
- + Tô màu hoặc dán ảnh về “Gia đình” của trẻ thực hiện lên một cái bảng
- + Treo bảng vào một góc để trẻ quan sát, trao đổi.
- Giáo viên cùng trẻ bày biện các đồ dùng đồ chơi ở góc xây dựng cô hướng trẻ chú ý đến sự trang trí trong lớp liên quan đến chủ đề “Gia đình”

IV. KHÁM PHÁ CHỦ ĐỀ: “GIA ĐÌNH”
